

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận

In re:

Về việc:

Petitioner/s (as listed on the parenting/custody order):
(Các) Nguyên Đơn (như được liệt kê trong lệnh nuôi
dưỡng/giám hộ):

And Respondent/s (as listed on the parenting/
custody order):
Và (Các) Bị Đơn (như được liệt kê trong lệnh nuôi
dưỡng/giám hộ):

No. _____
Số

Motion for Temporary Order Preventing
Move with Children (Relocation)
Kiến Nghị Xin Lệnh Tạm Thời Ngăn Cản
Việc Chuyển Chỗ Ở Cùng Với Các Trẻ
(Chuyển Địa Điểm Sống)
(MTPM)
(MTPM)

**Motion for Temporary Order Preventing
Move with Children (Relocation)**
**Kiến Nghị Xin Lệnh Tạm Thời Ngăn Cản
Việc Chuyển Chỗ Ở Cùng Với Các Trẻ (Chuyển Địa Điểm Sống)**

To both parties:

Gởi đến cả hai đương sự:

Deadline! Your papers must be filed and served by the deadline in your county's Local Court Rules, or by the State Court Rules if there is no local rule. Court Rules and forms are located online at www.courts.wa.gov.

Hạn Cuối! Giấy tờ của quý vị phải được nộp và tổng đạt trước hạn cuối theo Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của Quận quý vị hoặc theo Quy Tắc Tòa Án Tiểu Bang nếu không có quy tắc địa phương. Quy Tắc Tòa Án và các mẫu đơn trực tuyến tại www.courts.wa.gov.

If you want the court to consider your side, you **must**:

Nếu quý vị muốn tòa án xem xét bên quý vị, quý vị **phải**:

- File your original documents with the Superior Court Clerk; AND
Nộp các văn kiện gốc của quý vị cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm; VÀ
- Give the Judge/Commissioner a copy of your papers (if required by your county's Local Court Rules); AND

Cung cấp cho Thẩm Phán/Ủy Viên một bản sao giấy tờ của quý vị (nếu được yêu cầu theo Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị); VÀ

- Have a copy of your papers served on all other parties or their lawyers; AND
Yêu cầu tổng đạt một bản sao giấy tờ của quý vị cho tất cả các đương đơn còn lại hoặc luật sư của họ;
VÀ
- Go to the hearing.
Ra tòa.

The court may not allow you to testify at the motion hearing. Read your county's Local Court Rules, if any.
Tòa án có thể không cho phép quý vị làm chứng tại phiên xét xử kiến nghị. Đọc Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị, nếu có.

Bring proposed orders to the hearing.
Mang các lệnh được đề xuất đến phiên xét xử.

To the person filing this motion:

Gởi đến người đang nộp đơn kiến nghị này:

You must schedule a hearing on this motion. You may use the *Notice of Hearing* (form FL All Family 185) unless your county's Local Court Rules require a different form. Contact the court for scheduling information.

Quý vị phải sắp xếp phiên xét xử về kiến nghị này. Quý vị có thể sử dụng Thông Báo Phiên Xét Xử (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 185) trừ khi Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị yêu cầu một mẫu đơn khác. Liên hệ với tòa án để sắp xếp thông tin.

To the person receiving this motion:

Gởi đến người đang nhận đơn kiến nghị này:

If you do not agree with the requests in this motion, file a statement (using form FL All Family 135, Declaration) explaining why the court should not approve those requests. You may file other written proof supporting your side.

Nếu quý vị không đồng ý với các yêu cầu trong đơn kiến nghị này, hãy nộp một bản trình bày (dùng mẫu FL Tất cả gia đình 135, Khai Báo) giải thích lý do vì sao tòa án không nên chấp thuận các yêu cầu đó. Quý vị có thể nộp bằng chứng khác bằng văn bản hỗ trợ cho bên quý vị.

- 1.** My name is _____.
Tôi tên là _____.

- 2.** I have a court order giving me a legal right to spend time with the following children:
Tôi có lệnh tòa cho tôi quyền hợp pháp để dành thời gian với các trẻ sau đây:

Child's name Tên trẻ	Age Tuổi	Child's name Tên trẻ	Age Tuổi
1.		4.	
2.		5.	
3.		6.	

- 3.** The relocating person (name): _____ (check one):
Người chuyển địa điểm sống (tên): _____ (đánh dấu một mục):
[] plans to move with the children on (date): _____.

dự định chuyển chỗ ở cùng với các trẻ (ngày):

[] has already moved with the children on (date): _____
đã chuyển chỗ ở cùng với các trẻ (ngày):

4. Objection

Phản đối

I have filed (or am filing with this motion) an *Objection about Moving with Children and Petition about Changing a Parenting/Custody Order (Relocation)* (form FL Relocate 721).
Tôi đã nộp (hoặc tôi đang nộp cùng với kiến nghị này) **Phản Đối Về Việc Chuyển Chỗ Ở Cùng Với Các Trẻ và Đơn Xin Thay Đổi Lệnh Nuôi Dưỡng Con/Giám Hộ (Chuyển Địa Điểm Sống)** (mẫu đơn FL Chuyển địa điểm sống 721).

5. Request

Yêu cầu

I ask the Court to order the relocating person to (check all that apply):

Tôi yêu cầu Tòa Án lệnh cho người chuyển địa điểm sống (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

[] **not** move with the children.
không chuyển chỗ ở cùng với các trẻ.

[] return the children.
trả lại các trẻ.

Warning to the person who intends to move!

Cảnh báo người có ý định chuyển chỗ ở!

If the hearing on this motion is scheduled to be held within **15 days** of the day you are served with the *Objection about Moving*, you **must not** move with the children before the hearing unless the special circumstances described in RCW 26.09.460(3) apply.

Nếu phiên xét xử về kiến nghị này được sắp xếp tiến hành trong vòng **15 ngày** kể từ ngày quý vị được tổng đạt **Phản Đối Về Việc Chuyển Chỗ Ở**, quý vị **không được** chuyển chỗ ở cùng với các trẻ trước phiên xét xử trừ khi áp dụng các tình tiết đặc biệt được quy định trong RCW 26.09.460(3).

RCW 26.09.460(3) says: "If a person intending to relocate the child is relocating to avoid a clear, immediate, and unreasonable risk to the health or safety of a person or the child, notice may be delayed for twenty-one days."

RCW 26.09.460(3) đề cập: "Nếu một người có ý định chuyển địa điểm sống cho trẻ là đang chuyển chỗ ở để tránh rủi ro rõ ràng, tức thời và vô lý đối với sức khỏe hoặc sự an toàn của một người hoặc trẻ, thông báo có thể chậm trễ trong hai mươi một ngày."

➤ **Reasons for request**

Lý do yêu cầu

6. No proper notice

Không có thông báo thích hợp

[] Does not apply.
Không áp dụng.

[] I have **not** received a *Notice of Intent to Move with Children* from the relocating person.

Tôi đã **không** nhận được một Thông Báo Về Ý Định Chuyển Chỗ Ở Cùng Với Các Trẻ từ người chuyển địa điểm sống.

- [] I received a *Notice of Intent to Move with Children* from the relocating person on (date): _____. This is late notice because I received it after the legal deadline and without good legal reasons to justify delay. (See RCW 26.09.440.)

Tôi đã nhận được một Thông Báo Về Ý Định Chuyển Chỗ Ở Cùng Với Các Trẻ từ người chuyển địa điểm sống vào (ngày): _____. Đây là thông báo trễ bởi vì tôi nhận được sau thời hạn pháp lý và không có lý do pháp lý chính đáng để biện minh cho sự chậm trễ. (Xem RCW 26.09.440.)

I was substantially prejudiced by the late notice or lack of notice. (*Explain how getting late notice or no notice put you in an unfair position*):

Tôi thực sự bị ảnh hưởng bởi việc thông báo trễ hoặc thiếu thông báo. (Giải thích việc nhận được thông báo trễ hoặc không được thông báo sẽ khiến quý vị bị đưa vào tình thế không công bằng):

- [] The *Notice* is improper because the children live with me most of the time and the Child Relocation Act does not apply.

Thông báo này là không phù hợp bởi vì các trẻ sống với tôi phần lớn thời gian và Đạo Luật Chuyển Địa Điểm Sống Cho Trẻ không được áp dụng.

7. Move happened without agreement, court order or proper notice

Chuyển chỗ ở đã diễn ra mà không có thỏa thuận, lệnh tòa hoặc thông báo thích hợp

- [] Does not apply.
Không áp dụng.

- [] The relocating person already moved with the children and:
Người chuyển địa điểm sống đã chuyển chỗ ở cùng với các trẻ và:

- I did not agree to the move;
Tôi không đồng ý về việc chuyển chỗ ở;
- There was no court order allowing the move; and
Không có lệnh tòa nào cho phép chuyển chỗ ở; và
- The relocating person did not give proper notice of the move.
Người chuyển địa điểm sống đã không đưa ra thông báo thích hợp về việc chuyển chỗ ở.

8. Move unlikely to be approved

Việc chuyển chỗ ở khó có khả năng được chấp thuận

- [] Does not apply.
Không áp dụng.

- [] The court is unlikely to approve the planned move at trial. My reasons for believing this are based on the factors in RCW 26.09.520 as explained in my *Objection*. The children (*check one*):

Tòa án khó có thể chấp thuận việc chuyển chỗ ở theo kế hoạch tại phiên tòa. Lý do tôi cho rằng việc này được căn cứ vào các yếu tố trong RCW 26.09.520 như đã giải thích trong Phản Đối của tôi. Các trẻ (đánh dấu một mục):

[] spend substantially equal time with each parent (45 percent or more). It is not in the children's best interests to move.

dành thời gian gần như bằng nhau cho mỗi người cha/mẹ (45 phần trăm hoặc nhiều hơn). Việc chuyển chỗ ở không phải là lợi ích tốt nhất của các trẻ.

[] live with the relocating person most of the time. Even though the law presumes that the move will be allowed, I can show that the move would cause more harm to the children than good to the children and the relocating person who wants to move.

sống với người chuyển địa điểm sống phần lớn thời gian. Mặc dù luật pháp cho rằng việc chuyển chỗ ở sẽ được cho phép, nhưng tôi có thể chứng minh rằng việc chuyển chỗ ở sẽ gây hại cho các trẻ nhiều hơn là có lợi cho các trẻ và người chuyển địa điểm sống muốn chuyển chỗ ở.

[] The Notice is improper because the children live with me most of the time and the Relocation Act does not apply.

Thông Báo này là không phù hợp bởi vì các trẻ sống với tôi phần lớn thời gian và Đạo Luật Chuyển Địa Điểm Sống không được áp dụng.

9. No reason to move now

Không có lý do nào để chuyển chỗ ở bây giờ

[] Does not apply.

Không áp dụng.

[] Whether or not the move will be approved at trial, the circumstances **do not** justify allowing the move before the court makes a final decision.

*Dù việc chuyển chỗ ở có được chấp thuận tại phiên tòa hay không, các tình tiết **không** biện minh cho việc cho phép chuyển chỗ ở trước khi tòa án đưa ra quyết định cuối cùng.*

Explain: _____

Giải thích: _____

10. Active duty military

Quân nhân tại ngũ

(The **federal** Servicemembers Civil Relief Act covers:

(Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của **liên bang** bao gồm:

- Army, Navy, Air Force, Marine Corps, and Coast Guard members on active duty;
Các thành viên Lục Quân, Hải Quân, Không Quân, Thủy Quân Lục Chiến và Tuần Duyên đang tại ngũ;
- National Guard or Reserve members under a call to active service for more than 30 days in a row;
and
Các thành viên thuộc Lực Lượng Vệ Binh Quốc Gia hoặc Lực Lượng Dự Bị được kêu gọi phục vụ tại ngũ hơn 30 ngày liên tiếp; và
- commissioned corps of the Public Health Service and NOAA.
quân đoàn được ủy quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Công Cộng và NOAA.

The **state** Service Members' Civil Relief Act covers those service members listed above who are either stationed in or residents of Washington state, and their dependents, except for the commissioned corps of the Public Health Service and NOAA.)

Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của **tiểu bang** bảo vệ các thành viên đang tại ngũ đã được liệt kê trên đây đang đóng quân tại hoặc là cư dân của tiểu bang Washington và những người phụ thuộc của họ, ngoại trừ quân đoàn được ủy quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Công Cộng và NOAA.)

[] None of the other parties are covered by the state or federal Service Members' Civil Relief Acts.

Không một đương sự nào trong số các đương sự còn lại được bảo vệ theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của tiểu bang hoặc liên bang.

[] (Name): _____
is covered by the [] state [] federal Service Members' Civil Relief Act.

(Tên):

được bảo vệ theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của [-] tiểu bang [-] liên bang.

[] For persons covered only by the **state** act – Military duty may keep the service member or dependent from responding or coming to the hearing on this motion. I ask the court to approve temporary orders even if the covered person asks for a stay or doesn't respond. It would be very unfair (a manifest injustice) not to make temporary orders now because: _____

*Đối với những người chỉ được bảo vệ theo đạo luật **tiểu bang** – Nghĩa vụ quân sự có thể khiến thành viên hoặc người phụ thuộc không thể phản hồi hoặc đến phiên xét xử theo kiến nghị này. Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận các lệnh tạm thời cho dù người được bảo vệ yêu cầu tạm hoãn hoặc không phản hồi. Sẽ rất không công bằng (một sự bất công rõ ràng) nếu không đưa ra các lệnh tạm thời ngay lúc này bởi vì:*

11. Other information (if any)

Thông tin khác (nếu có)

Person filing this motion fills out below

Người đang nộp kiến nghị này điền vào dưới đây

I declare under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the facts I have provided on this form are true.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này đều đúng sự thật.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____



Person filing this motion signs here
Người đang nộp kiến nghị này ký ở đây

Print name
Tên viết in

I agree to accept legal papers for this case at (check one):

Tôi đồng ý nhận giấy tờ pháp lý cho vụ án này tại (đánh dấu một mục):

- [] my lawyer's address, listed below.
địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây:
- [] the following address (*this does **not** have to be your home address*):
*địa chỉ dưới đây (địa chỉ này **không** phải là địa chỉ nhà quý vị):*

<i>street address or PO box</i>	<i>city</i>	<i>state</i>	<i>zip</i>
<i>địa chỉ đường hoặc PO box</i>	<i>thành phố</i>	<i>tiểu bang</i>	<i>mã vùng</i>

(Optional) email: _____
 email (**Không bắt buộc**): _____

(If this address changes before the case ends, you **must** notify all parties and the court clerk in writing. You may use the Notice of Address Change form (FL All Family 120). You must also update your Confidential Information Form (FL All Family 001) if this case involves parentage or child support.)
 (Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ án chấm dứt, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các đương sự và lục sự tòa án bằng văn bản. Quý vị có thể sử dụng mẫu đơn Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ (FL Tất cả gia đình 120). Quý vị cũng phải cập nhật Mẫu Đơn Thông Tin Mật của mình (FL Tất cả gia đình 001) nếu vụ án liên quan đến phần trăm hoặc cấp dưỡng con.)

Lawyer (if any) fills out below:
Luật sư (nếu có) điền vào dưới đây:

_____	_____	_____
<i>Lawyer signs here</i>	<i>Print name and WSBA No.</i>	<i>Date</i>
<i>Luật sư ký ở đây</i>	<i>Tên viết in và WSBA Số.</i>	<i>Ngày</i>

<i>Lawyer's street address or PO box</i>	<i>city</i>	<i>state</i>	<i>zip</i>
<i>Địa chỉ đường của luật sư hoặc PO box</i>	<i>thành phố</i>	<i>tiểu bang</i>	<i>mã vùng</i>

Email (if applicable): _____
 Email (nếu có): _____

Warning! Documents filed with the court are available for anyone to see unless they are sealed. Financial, medical, and confidential reports, as described in General Rule 22, **must** be sealed so they can only be seen by the court, the other party, and the lawyers in your case. Seal those documents by filing them separately, using a Sealed cover sheet (form FL All Family 011, 012, or 013). You may ask for an order to seal other documents.

Cảnh Báo! Mọi người đều có thể xem các văn kiện nộp cho tòa án hiện có trừ khi các văn kiện này được niêm phong. Các báo cáo tài chính, y tế và bảo mật, như được mô tả trong Quy Tắc Chung 22, **phải** được niêm phong để chỉ tòa án, đương sự còn lại và luật sư trong vụ án của quý vị mới có thể xem các báo cáo này. Niêm phong các văn kiện đó bằng cách lưu trữ chúng riêng biệt, sử dụng một tờ bìa được có Niêm Phong (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 011, 012 hoặc 013). Quý vị có thể yêu cầu một lệnh để niêm phong các văn kiện khác.